

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỶ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **01**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.501-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230001	21014093	Đặng Thị Minh Ái	11.03.1983					
2	230002	20013891	Đàm Thị An	20.12.1994					
3	230003	20013066	Nguyễn Thị An	20.06.1996					
4	230004	20013065	Phùng Thị An	13.08.1994					
5	230005	20013602	Phùng Thị An	15.05.1985					
6	230006	20013892	Trần Thị An	07.10.1992					
7	230007	21013169	Bùi Thị Huyền Anh	08.01.1998					
8	230008	20013893	Bùi Thị Quỳnh Anh	05.09.1998					
9	230009	21013472	Chu Hải Anh	14.08.1974					
10	230010	21014380	Đào Ngọc Trâm Anh	18.03.1996					
11	230011	20013609	Đỗ Kim Anh	13.05.1993					
12	230012	21013470	Đoàn Thị Thu Anh	24.04.1996					
13	230013	21013003	Hà Thị Thục Anh	08.05.1993					
14	230014	21014091	Hoàng Thị Phương Anh	15.05.1995					
15	230015	20013000	Hoàng Thị Vân Anh	16.05.1996					
16	230016	20013026	Kiều Ngọc Anh	22.01.1993					
17	230017	20013896	Lê Thị Anh	29.08.1994					
18	230018	20013596	Lê Thị Lan Anh	16.04.1993					
19	230019	20013069	Lương Thị Hồng Anh	07.04.1982					
20	230020	20013607	Nguyễn Lan Anh	14.02.1996					
21	230021	21013168	Nguyễn Mai Anh	14.07.1993					
22	230022	20013452	Nguyễn Quỳnh Anh	01.12.1995					
23	230023	20013899	Nguyễn Thị Anh	07.07.1988					
24	230024	21013474	Nguyễn Thị Anh	19.08.1991					
25	230025	20013767	Nguyễn Thị Anh	25.10.1994					
26	230026	20013072	Nguyễn Thị Bảo Anh	16.06.1992					
27	230027	20013605	Nguyễn Thị Hồng Anh	14.03.1996					
28	230028	20013606	Nguyễn Thị Kim Anh	06.08.1994					
29	230029	21014092	Nguyễn Thị Kim Anh	22.05.1984					
30	230030	20013070	Nguyễn Thị Kim Anh	03.11.1995					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **02**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.502-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230031	21014089	Nguyễn Thị Mai Anh	27.02.1984					
2	230032	20013901	Nguyễn Thị Ngọc Anh	17.12.1987					
3	230033	20013603	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21.10.1998					
4	230034	20013610	Nguyễn Thị Thái Anh	09.10.1972					
5	230035	21014088	Nguyễn Thị Vân Anh	01.11.1989					
6	230036	21014087	Nguyễn Thị Vân Anh	01.02.1992					
7	230037	20013073	Nguyễn Thị Vân Anh	21.08.2000					
8	230038	21013476	Nguyễn Thị Vân Anh	10.09.1979					
9	230039	21013466	Nguyễn Vân Anh	08.06.2000					
10	230040	20013904	Phùng Lan Anh	01.09.1994					
11	230041	21013473	Phùng Thị Lan Anh	19.05.1975					
12	230042	20013077	Trần Thị Lan Anh	09.09.1993					
13	230043	20013071	Trịnh Thị Vân Anh	31.10.1994					
14	230044	21014090	Vũ Thị Mai Anh	22.11.1970					
15	230045	21013174	Đặng Thị Ánh	12.08.1996					
16	230046	21013479	Đỗ Thị Ánh	20.05.1983					
17	230047	21013478	Đỗ Thị Nguyệt Ánh	28.10.1992					
18	230048	20013075	Hoàng Thị Ánh	25.10.1998					
19	230049	21014095	Lê Thị Ánh	17.04.1986					
20	230050	21013004	Lê Thị Ngọc Ánh	11.10.1993					
21	230051	21013480	Nguyễn Hồng Ánh	18.10.1993					
22	230052	20013611	Nguyễn Thị Ánh	13.06.1995					
23	230053	20013074	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01.12.1984					
24	230054	20013450	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2.12.1998					
25	230055	21014382	Phạm Minh Ánh	23.10.2003					
26	230056	20013076	Trần Thị Ánh	26.02.1996					
27	230057	21013471	Nguyễn Thị Kiều Anh	31.12.1992					
28	230058	21014096	Nguyễn Thị Ba	25.09.1988					
29	230059	20013454	Dương Thị Bài	05.09.1974					
30	230060	20013029	Bùi Thị Bạ	30.09.1982					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: **03**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.503-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230061	21014097	Lê Thị Như Băng	06.09.1987					
2	230062	21014098	Đàm Thị Ngọc Bích	07.01.1985					
3	230063	21013177	Đặng Thị Ngọc Bích	19.02.1995					
4	230064	21013483	Trần Thị Bích	09.05.1995					
5	230065	21014099	Lê Thị Long Biên	12.11.1984					
6	230066	20013771	Nguyễn Thị Biên	30.01.1983					
7	230067	20013613	Phùng Thị Biền	09.05.1973					
8	230068	20013615	Dương Thị Bình	02.02.1985					
9	230069	21013484	Lê Thị Bình	28.02.1974					
10	230070	21013178	Nguyễn Thị Bình	15.02.1984					
11	230071	21013009	Nguyễn Thị Bình	05.07.1989					
12	230072	21013486	Nguyễn Thị Bình	08.10.1974					
13	230073	21013485	Nguyễn Thị Thanh Bình	21.12.1976					
14	230074	21014100	Bùi Thị Bình	28.06.1991					
15	230075	20013081	Nguyễn Thị Bùng	21.08.1995					
16	230076	21013487	Trần Thị Ngọc Cẩm	01.09.1972					
17	230077	20013031	Khuất Thị Cảnh	13.04.1990					
18	230078	21014029	Đinh Thị Quỳnh Châm	16.04.1995					
19	230079	20013082	Lưu Thị Hồng Châm	23.03.1991					
20	230080	20113083	Chu Thị Chang	15.10.1990					
21	230081	21014102	Nguyễn Thị Chang	24.02.1991					
22	230082	20013616	Nguyễn Thị Tuyết Chất	16.01.1973					
23	230083	21013489	Nguyễn Thị Minh Châu	26.09.1973					
24	230084	20013909	Đỗ Thị Linh Chi	12.06.1989					
25	230085	21013491	Kiều Thị Hiền Chi	14.09.1972					
26	230086	20013910	Lê Thị Minh Chi	12.06.1993					
27	230087	21013183	Nguyễn Thị Linh Chi	23.04.1993					
28	230088	21013492	Trần Yến Chi	17.10.1994					
29	230089	20013084	Nguyễn Thị Chiêm	26.06.1991					
30	230090	21013966	Lê Hoàng Chinh	07.06.1994					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: **04**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.504-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230091	20013912	Ngô Thị Hoài Chinh	14.04.1996					
2	230092	20013772	Nông Thị Chinh	10.02.1987					
3	230093	21013499	Nguyễn Văn Chuân	28.10.1978					
4	230094	21013501	Nguyễn Thị Chúc	14.07.1974					
5	230095	21014103	Nguyễn Thị Kim Chung	31.08.1983					
6	230096	20013458	Nguyễn Thị Thanh Chung	04.07.1975					
7	230097	21014001	Phí Thị Chung	14.11.1992					
8	230098	21013503	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	19.02.1972					
9	230099	20013293	Trần Văn Cường	02.09.1981					
10	230100	21013507	Nguyễn Thị Đạm	27.08.1970					
11	230101	21013508	Nguyễn Khánh Dân	13.09.1974					
12	230102	20013086	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	14.10.1996					
13	230103	20013619	Đinh Thị Ngọc Diệp	08.10.1977					
14	230104	20013088	Nguyễn Thị Diệp	02.11.1989					
15	230105	20013917	Nguyễn Thị Thu Diệp	27.03.1982					
16	230106	20013620	Bạch Hồng Diệu	17.08.1993					
17	230107	20013351	Phạm Thị Diệu	10.02.1981					
18	230108	21014384	Đinh Thị Hoàng Diệu	05.09.2002					
19	230109	20013089	Hoàng Vũ Bảo Định	13.11.1998					
20	230110	21014104	Ngô Thị Dịu	01.12.1987					
21	230111	21014105	Nguyễn Thị Dịu	30.08.1988					
22	230112	21013514	Phạm Thị Dịu	01.01.1991					
23	230113	20012090	Hà Thị Doanh	08.04.1988					
24	230114	20013091	Nguyễn Thị Duân	10.07.1991					
25	230115	21014402	Phan Mạnh Đức	31.12.2003					
26	230116	20013386	Bùi Thị Kim Dung	14.02.1976					
27	230117	20013425	Đỗ Thị Thủy Dung	11.10.1996					
28	230118	21013198	Lê Thị Dung	01.09.1991					
29	230119	21014106	Lê Thị Kim Dung	20.10.1993					
30	230120	21013202	Lê Thị Kim Dung	28.10.1992					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **05**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.506-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230121	21013199	Lưu Thị Dung	10.05.1985					
2	230122	21013200	Nguyễn Kim Dung	12.08.1995					
3	230123	20013461	Nguyễn Kim Dung	05.10.1996					
4	230124	21013201	Nguyễn Thị Dung	19.09.1996					
5	230125	20013294	Nguyễn Thị Dung	22.12.1973					
6	230126	20013920	Nguyễn Thị Dung	13.04.1993					
7	230127	20013426	Nguyễn Thị Dung	01.12.1991					
8	230128	21014274	Nguyễn Thị Kim Dung	16.10.1987					
9	230129	20013424	Tạ Thị Dung	13.10.1985					
10	230130	21013519	Trần Thị Kim Dung	09.07.1977					
11	230131	20013093	Vi Thị Dung	31.01.1993					
12	230132	20013295	Chu Ngọc Dũng	05.08.1981					
13	230133	20013320	Chu Văn Dũng	24.07.1973					
14	230134	21013525	Nguyễn Văn Đước	15.02.1968					
15	230135	21013528	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	07.01.1998					
16	230136	21014385	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	15.02.1997					
17	230137	21013527	Phan Thị Dương	13.09.1976					
18	230138	20013097	Chu Thị Duyên	20.09.1986					
19	230139	20013100	Đỗ Thị Duyên	27.12.1990					
20	230140	21013207	Nguyễn Thị Duyên	12.06.1994					
21	230141	21014107	Nguyễn Thị Duyên	02.09.1994					
22	230142	20013778	Nguyễn Thị Duyên	14.02.1986					
23	230143	20013779	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	16.07.1984					
24	230144	20013098	Phạm Thị Duyên	12.08.1991					
25	230145	20013099	Phan Thị Duyên	16.06.1993					
26	230146	20013923	Tạ Thị Thu Duyên	29.09.1992					
27	230147	20013924	Trần Thị Duyên	03.05.1990					
28	230148	20013101	Trương Thị Duyên	04.09.1984					
29	230149	21013210	Đỗ Thị Gám	01.01.1983					
30	230150	20013625	Đặng Thị Hương Giang	08.11.1995					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **06**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.507-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230151	21014110	Hoàng Hương Giang	15.12.1987					
2	230152	20013780	Hoàng Hương Giang	01.12.1984					
3	230153	21014108	Lãnh Thị Giang	29.07.1990					
4	230154	21014111	Lê Thị Giang	28.06.1991					
5	230155	20013926	Mông Thị Giang	19.05.1994					
6	230156	21014112	Nguyễn Thị Giang	18.04.1993					
7	230157	20013103	Nguyễn Thị Giang	22.09.1985					
8	230158	20013104	Trần Hương Giang	11.07.1996					
9	230159	20013927	Trần Thị Hồng Giang	14.03.1993					
10	230160	20013624	Trần Thị Minh Giang	27.12.1972					
11	230161	21014278	Đình Thu Hà	04.12.1995					
12	230162	21013534	Đỗ Thị Thu Hà	09.06.1975					
13	230163	21013018	Dương Thị Hà	10.07.1984					
14	230164	21013019	Hoàng Thị Hà	05.09.1987					
15	230165	21014010	Khúc Thị Thu Hà	10.02.1983					
16	230166	21014002	Lê Thị Thu Hà	25.10.1976					
17	230167	20013106	Lê Thu Hà	09.04.1994					
18	230168	21013533	Lương Thị Hà	02.10.1975					
19	230169	21013213	Ngô Thị Hà	14.11.1989					
20	230170	20013928	Ngô Thị Hải Hà	06.09.1982					
21	230171	20013465	Nguyễn Thị Hà	16.05.1975					
22	230172	20013466	Nguyễn Thị Hà	25.10.1976					
23	230173	20013033	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20.06.1989					
24	230174	20013783	Nguyễn Thị Ngọc Hà	29.10.1996					
25	230175	20013930	Nguyễn Thị Thu Hà	05.11.1985					
26	230176	21013020	Nguyễn Thị Thu Hà	28.03.1995					
27	230177	21013538	Nguyễn Thị Thu Hà	09.07.1976					
28	230178	20013784	Nguyễn Thị Thu Hà	20.05.1986					
29	230179	21014113	Nguyễn Thị Thúy Hà	14.06.1988					
30	230180	21014114	Nguyễn Thị Thúy Hà	02.11.1979					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **07**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.508-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230181	21013540	Nguyễn Thị Xuân Hà	29.03.1973					
2	230182	21013214	Nguyễn Thu Hà	23.08.1993					
3	230183	20013626	Nguyễn Thu Hà	16.10.1994					
4	230184	20013428	Nguyễn Thu Hà	11.11.1993					
5	230185	20013467	Phạm Thị Hằng Hà	21.02.1991					
6	230186	21014115	Trần Thị Thu Hà	30.08.1989					
7	230187	20013105	Lương Thị Hà	06.05.1995					
8	230188	20013627	Nguyễn Thị Thu Hà	01.03.1994					
9	230189	20013108	Chu Thị Hải	15.05.1992					
10	230190	21014119	Đặng Thị Minh Hải	06.03.1984					
11	230191	20013629	Ngô Thị Hải	15.02.1994					
12	230192	21013969	Nguyễn Hoàng Hải	24.03.1976					
13	230193	20013107	Nguyễn Thị Hải	22.04.1993					
14	230194	20013630	Nguyễn Thị Thanh Hải	07.09.1973					
15	230195	21013021	Trương Thị Hải	20.08.1986					
16	230196	21013543	Đỗ Thị Hải	02.05.1982					
17	230197	21013545	Đinh Thị Ham	15.07.1977					
18	230198	20013469	Hà Huy Hàm	28.09.1978					
19	230199	20013323	Bùi Thị Hải Hằng	21.08.1979					
20	230200	20013110	Chu Thị Hằng	18.08.1993					
21	230201	20013631	Chử Thúy Hằng	17.12.1995					
22	230202	21013548	Đàm Thị Thu Hằng	11.02.1975					
23	230203	20013473	Đỗ Thị Tuyết Hằng	25.12.1976					
24	230204	20013932	Đoàn Thị Dịu Hằng	19.06.1991					
25	230205	20013354	Đoàn Thị Thu Hằng	15.05.1978					
26	230206	21014124	Dương Thị Hằng	31.08.1992					
27	230207	20013933	Hoàng Thị Hằng	26.04.1997					
28	230208	20013115	Hoàng Thuý Hằng	25.12.1985					
29	230209	20013111	Khổng Thị Hằng	22.10.1988					
30	230210	21014125	Khuất Thị Hằng	14.01.1991					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **08**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.601-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230211	20013112	Lê Thị Hồng Hằng	11.05.1993					
2	230212	20013934	Lê Thu Hằng	12.02.1985					
3	230213	21013554	Ngô Thị Minh Hằng	09.07.1995					
4	230214	20013109	Nguyễn Thị Hằng	17.11.1988					
5	230215	20013935	Nguyễn Thị Hằng	06.12.1995					
6	230216	21014120	Nguyễn Thị Hằng	13.05.1984					
7	230217	21013023	Nguyễn Thị Hằng	24.01.1993					
8	230218	20013937	Nguyễn Thị Minh Hằng	24.10.1996					
9	230219	21014123	Nguyễn Thị Thu Hằng	09.04.1992					
10	230220	21014003	Nguyễn Thị Thu Hằng	09.07.1976					
11	230221	20013034	Nguyễn Thị Thu Hằng	05.03.1995					
12	230222	20013633	Nguyễn Thị Thu Hằng	06.04.1989					
13	230223	20013938	Nguyễn Thị Thuý Hằng	03.09.1996					
14	230224	20013476	Nguyễn Thu Hằng	05.02.1994					
15	230225	20013474	Nguyễn Thúy Hằng	04.10.1981					
16	230226	21014122	Phạm Thị Hằng	29.08.1981					
17	230227	21013546	Phạm Thị Hằng	12.06.1972					
18	230228	20013114	Phạm Thị Hằng	12.09.1988					
19	230229	21013549	Phạm Thị Thu Hằng	25.12.1974					
20	230230	21014121	Phạm Thu Hằng	05.08.1992					
21	230231	20013636	Phùng Thị Hằng	10.06.1973					
22	230232	20013632	Thái Thu Hằng	21.08.1992					
23	230233	21013547	Vũ Thị Hằng	02.01.1994					
24	230234	20013475	Vũ Thị Thu Hằng	11.08.1975					
25	230235	21013559	Đặng Bích Hạnh	15.10.1974					
26	230236	21014280	Đỗ Thị Hạnh	08.11.1992					
27	230237	21014004	Lê Thị Hạnh	01.01.1980					
28	230238	20013637	Nguyễn Hồng Hạnh	07.11.1996					
29	230239	20013355	Nguyễn Thị Hạnh	11.02.1977					
30	230240	21014127	Nguyễn Thị Hạnh	27.06.1992					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **09**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.602-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230241	20013118	Nguyễn Thị Hạnh	26.01.1984					
2	230242	21014128	Nguyễn Thị Hạnh	08.01.1992					
3	230243	20013472	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01.01.1975					
4	230244	21013562	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28.12.1999					
5	230245	20013117	Phan Thị Hạnh	16.08.1990					
6	230246	21013560	Quản Thị Hạnh	22.04.1972					
7	230247	21013561	Trương Thị Hồng Hạnh	25.09.1988					
8	230248	21013568	Nhân Thị Huyền Hào	26.12.1997					
9	230249	20013119	Phùng Thị Hào	22.06.1987					
10	230250	20013944	Bùi Thị Hậu	27.07.1992					
11	230251	21014130	Hoàng Thị Thúy Hậu	06.06.1970					
12	230252	20013638	Nguyễn Thị Hậu	10.08.1992					
13	230253	21014129	Nguyễn Thị Hậu	18.09.1997					
14	230254	21013024	Phương Minh Hậu	11.03.1995					
15	230255	21014132	Phạm Thị Hên	22.11.1984					
16	230256	21013569	Nguyễn Thị Hiên	30.11.1988					
17	230257	20013036	Bùi Thị Thục Hiền	22.11.1992					
18	230258	20013480	Cao Thị Hiền	25.09.1975					
19	230259	20013121	Chu Thị Hiền	15.12.1995					
20	230260	20013122	Chu Thị Thu Hiền	14.03.1991					
21	230261	21013025	Đinh Thị Hiền	06.08.1991					
22	230262	20013947	Đinh Thị Thu Hiền	03.11.1992					
23	230263	20013035	Đỗ Thị Hiền	30.04.1986					
24	230264	21013026	Đỗ Thị Thu Hiền	10.08.1986					
25	230265	20013130	Dương Thị Hiền	08.01.1991					
26	230266	20013946	Dương Thị Thu Hiền	24.02.1988					
27	230267	21013576	Dương Thị Thu Hiền	11.05.1975					
28	230268	20013391	Hoàng Thị Thu Hiền	24.04.1978					
29	230269	21013571	Hoàng Thị Thu Hiền	01.11.1972					
30	230270	21014135	Kiều Thị Thu Hiền	21.09.1989					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **10**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.603-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230271	20013126	Ngô Thị Hiền	13.08.1992					
2	230272	21013580	Nguyễn Thị Hiền	16.06.1989					
3	230273	21013232	Nguyễn Thị Hiền	07.07.1998					
4	230274	21014133	Nguyễn Thị Hiền	20.02.1989					
5	230275	20013949	Nguyễn Thị Hiền	24.08.1992					
6	230276	21013574	Nguyễn Thị Hiền	03.12.1997					
7	230277	20013641	Nguyễn Thị Phương Hiền	01.11.1976					
8	230278	20013644	Nguyễn Thị Thanh Hiền	12.02.1971					
9	230279	20013430	Nguyễn Thị Thu Hiền	01.07.1996					
10	230280	20013642	Nguyễn Thị Thu Hiền	25.05.1972					
11	230281	21013972	Nguyễn Thị Thu Hiền	14.12.1975					
12	230282	20013128	Nguyễn Thị Thu Hiền	18.03.1995					
13	230283	20013129	Nguyễn Thị Thu Hiền	26.09.1985					
14	230284	21013577	Nguyễn Thị Thu Hiền	07.09.1976					
15	230285	21013578	Nguyễn Thu Hiền	19.09.1996					
16	230286	20013643	Phùng Thị Hiền	30.07.1972					
17	230287	20013123	Phuong Thị Thu Hiền	22.07.1973					
18	230288	21014134	Quản Thị Hiền	07.11.1989					
19	230289	20013125	Trần Thị Hiền	23.10.1974					
20	230290	21013233	Trần Thị Hiền	19.09.1986					
21	230291	20013124	Trần Thị Thu Hiền	02.09.1993					
22	230292	20013127	Trần Thị Thu Hiền	18.09.1995					
23	230293	21013572	Trần Thị Thu Hiền	05.09.1972					
24	230294	21013228	Lê Thị Hiền	12.07.1989					
25	230295	21013573	Trần Thị Thu Hiền	30.08.1975					
26	230296	21014136	Bùi Thị Hiếu	20.02.1991					
27	230297	21013029	Nông Thị Hiếu	02.12.1986					
28	230298	21013235	Nguyễn Thị Hiếu	05.08.1985					
29	230299	20013131	Chu Thị Hoa	20.05.1991					
30	230300	20013358	Đặng Thị Hoa	12.05.1978					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **11**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.604-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230301	21013583	Đỗ Thị Minh Hoa	03.10.1997					
2	230302	20013136	Lê Thị Hồng Hoa	25.05.1984					
3	230303	20013481	Lương Thị Lan Hoa	25.01.1976					
4	230304	20013482	Mai Quỳnh Hoa	14.10.1976					
5	230305	20013135	Ngô Thị Thanh Hoa	29.11.1991					
6	230306	20013132	Nguyễn Thị Hoa	26.10.1994					
7	230307	21014140	Nguyễn Thị Hoa	28.01.1989					
8	230308	20013795	Nguyễn Thị Hoa	03.06.1994					
9	230309	21013237	Nguyễn Thị Hoa	12.11.1983					
10	230310	21013236	Nguyễn Thị Hoa	21.12.1990					
11	230311	20013796	Nguyễn Thị Minh Hoa	28.11.1980					
12	230312	21014139	Nguyễn Thị Phương Hoa	24.01.1985					
13	230313	20013133	Phạm Thị Hoa	08.06.1992					
14	230314	20013137	Trần Thị Hoa	20.12.1983					
15	230315	20013952	Trần Thị Hoa	10.02.1994					
16	230316	20013143	Trần Thị Hoa	29.03.1998					
17	230317	20013645	Vũ Thị Lê Hoa	31.05.1971					
18	230318	21013592	Lê Thị Hải Hoà	15.03.1974					
19	230319	21013243	Lưu Thanh Hoà	01.05.1992					
20	230320	21013591	Nguyễn Thị Hoà	26.02.1978					
21	230321	20013359	Phí Thị Hoà	13.02.1977					
22	230322	20013484	Dương Thị Hòa	14.08.1976					
23	230323	21013034	Hoàng Thị Hòa	08.06.1993					
24	230324	21013589	Nguyễn Thị Hòa	24.10.1991					
25	230325	20013003	Nguyễn Thị Hòa	02.08.1983					
26	230326	20013142	Nguyễn Thị Hòa	14.07.1993					
27	230327	21013245	Nguyễn Thị Hòa	02.02.1991					
28	230328	20013487	Nguyễn Thị Thanh Hòa	29.05.1992					
29	230329	20013144	Đinh Thu Hoà	13.10.1995					
30	230330	21013249	Lê Thị Thu Hoà	20.08.1974					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 12

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.606-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230331	20013801	Lê Thị Thu Hoài	03.10.1992					
2	230332	20013802	Nguyễn Thị Hoài	24.08.1982					
3	230333	20013803	Trần Thị Hoài	26.01.1987					
4	230334	20013646	Nguyễn Thị Hoan	02.05.1972					
5	230335	21013599	Nguyễn Thị Hoàn	04.09.1997					
6	230336	21013040	Nguyễn Thị Hời	22.05.1995					
7	230337	21014141	Đình Thị Hồng	26.01.1978					
8	230338	21013605	Lê Thị Thu Hồng	16.04.1971					
9	230339	21013603	Ngô Thị Ánh Hồng	07.11.1976					
10	230340	21014287	Nguyễn Thị Hồng	01.01.1986					
11	230341	20013647	Nguyễn Thị Hồng	29.10.1974					
12	230342	20013804	Nguyễn Thị Hồng	27.11.1994					
13	230343	21013602	Phan Văn Hồng	27.08.1972					
14	230344	20013648	Phùng Thị Ánh Hồng	20.11.1977					
15	230345	20013145	Tạ Thu Hồng	19.05.1989					
16	230346	20013038	Hồ Thị Hồng	02.01.1984					
17	230347	20013297	Bùi Thị Hợp	09.06.1983					
18	230348	21013609	Nguyễn Thị Huệ	16.08.1975					
19	230349	21013256	Nguyễn Thị Huệ	23.09.1994					
20	230350	20013146	Nguyễn Thị Huệ	28.01.1995					
21	230351	21013608	Phùng Thị Phương Huệ	21.08.1997					
22	230352	21014143	Bùi Thị Huệ	10.08.1993					
23	230353	21013041	Đặng Thị Huệ	17.07.1997					
24	230354	20013808	Đặng Thị Minh Huệ	22.07.1978					
25	230355	21013613	Đoàn Kiều Minh Huệ	20.08.1998					
26	230356	21013614	Lê Thị Ngọc Huệ	14.12.1995					
27	230357	21013616	Nguyễn Thị Hồng Huệ	15.03.1997					
28	230358	21013042	Lương Thị Huệ	08.01.1995					
29	230359	21014144	Nguyễn Thị Hưng	30.07.1992					
30	230360	21013268	Vũ Thị Hương	25.09.1990					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

Trưởng điểm thi

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **13**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.607-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230361	20013361	Đào Thị Lan Hương	22.12.1978					
2	230362	21013619	Đinh Thị Hương	29.08.1974					
3	230363	20013496	Đinh Thị Thu Hương	11.11.1978					
4	230364	20013497	Đỗ Thị Lan Hương	16.04.1980					
5	230365	20013960	Đỗ Thị Thu Hương	27.10.1993					
6	230366	20013393	Giang Thanh Hương	11.05.1973					
7	230367	20013148	Hoàng Mai Hương	25.12.1996					
8	230368	21013634	Hoàng Thanh Hương	17.07.1997					
9	230369	20013652	Hoàng Thị Hương	12.02.1974					
10	230370	20013967	Hoàng Thị Lan Hương	20.11.1999					
11	230371	20013039	Kiều Linh Hương	02.01.1992					
12	230372	21014147	Kim Thị Hương	03.07.1996					
13	230373	20013151	Lê Hải Hương	28.02.1994					
14	230374	21013270	Lương Thị Hương	06.03.1979					
15	230375	21013046	Lương Thị Thu Hương	02.08.1992					
16	230376	21013048	Nguyễn Thanh Hương	12.12.1994					
17	230377	21014146	Nguyễn Thị Hương	10.10.1984					
18	230378	21013269	Nguyễn Thị Hương	22.09.1988					
19	230379	21013267	Nguyễn Thị Hương	16.06.1988					
20	230380	21014149	Nguyễn Thị Hương	08.07.1988					
21	230381	21013629	Nguyễn Thị Hương	12.10.1976					
22	230382	20013961	Nguyễn Thị Hương	27.02.1999					
23	230383	20013363	Nguyễn Thị Hương	11.07.1973					
24	230384	20013654	Nguyễn Thị Hương	05.09.1975					
25	230385	21013630	Nguyễn Thị Lan Hương	15.08.1997					
26	230386	21014148	Nguyễn Thị Mai Hương	08.09.1987					
27	230387	21013633	Nguyễn Thị Mai Hương	29.06.1993					
28	230388	20013498	Nguyễn Thị Thu Hương	13.09.1979					
29	230389	20013650	Nguyễn Thị Thu Hương	11.09.1978					
30	230390	20013655	Nguyễn Thị Thu Hương	01.10.1970					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **14**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.608-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230391	20013150	Nguyễn Thị Thu Hương	17.06.1976					
2	230392	21013620	Nguyễn Thị Thu Hương	17.12.1971					
3	230393	21014145	Nguyễn Thu Hương	18.05.1991					
4	230394	21013624	Phạm Thị Hương	08.02.1975					
5	230395	21013049	Phạm Thu Hương	13.04.1974					
6	230396	20013149	Phùng Thị Hương	15.06.1995					
7	230397	21013265	Trần Thị Thu Hương	18.09.1989					
8	230398	21010623	Triệu Thiên Hương	30.12.1973					
9	230399	20013966	Vương Thị Hương	05.05.1988					
10	230400	21014151	Đặng Thị Thanh Hương	24.06.1982					
11	230401	21013639	Đặng Thu Hương	11.01.1971					
12	230402	21013275	Đinh Thị Thuý Hương	01.01.1995					
13	230403	21013277	Đỗ Thị Hương	08.01.1994					
14	230404	21014152	Kiều Thị Hương	07.10.1982					
15	230405	21013640	Lưu Thị Thu Hương	21.11.1975					
16	230406	21014291	Nguyễn Thị Hương	15.02.1986					
17	230407	20013499	Nguyễn Thị Hương	13.06.1974					
18	230408	20013656	Nguyễn Thị Hương	19.04.1972					
19	230409	21013641	Nguyễn Thị Hương	30.03.1976					
20	230410	20013432	Nguyễn Thị Hương	10.10.1996					
21	230411	21013050	Nguyễn Thuý Hương	27.08.2000					
22	230412	21013051	Trần Thị Hương	24.08.1988					
23	230413	21013642	Trần Thị Hương	22.03.1993					
24	230414	20013500	Trần Thị Hương	26.05.1975					
25	230415	20013813	Trần Thị Hương	23.12.1986					
26	230416	20013970	Trần Thị Thanh Hương	04.08.1993					
27	230417	21013278	Viết Thị Hương	28.08.1996					
28	230418	21013643	Vũ Thị Hương	13.01.1996					
29	230419	21014150	Vũ Thị Thu Hương	11.03.1998					
30	230420	21013045	Hoa Thị Thanh Hương	22.06.1990					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **15**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.610-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230421	20013155	Kiều Thị Hương	14.12.1997					
2	230422	21013621	Thiều Thị Lan Hương	07.04.1975					
3	230423	20013433	Khuất Thị Hường	13.03.1991					
4	230424	20013005	Hà Đăng Huy	27.12.1993					
5	230425	21013956	Nguyễn Văn Huy	12.02.1981					
6	230426	21013286	Đỗ Thanh Huyền	10.10.1994					
7	230427	20013040	Đỗ Thị Huyền	16.10.1993					
8	230428	21014154	Dư Thị Huyền	16.09.1979					
9	230429	21014156	Dương Thị Thanh Huyền	20.12.1995					
10	230430	20013661	Hà Thị Huyền	25.11.1973					
11	230431	21013645	Kiều Thị Huyền	02.07.1994					
12	230432	21013053	Lương Thị Thuý Huyền	02.06.1994					
13	230433	21013974	Ngô Thị Huyền	23.09.1977					
14	230434	21013650	Ngô Thị Huyền	10.12.1996					
15	230435	21013652	Nguyễn Cao Thanh Huyền	08.10.1993					
16	230436	20013971	Nguyễn Thanh Huyền	31.01.1985					
17	230437	20013159	Nguyễn Thanh Huyền	24.04.1998					
18	230438	21013055	Nguyễn Thị Huyền	29.12.1992					
19	230439	20013972	Nguyễn Thị Huyền	03.03.1990					
20	230440	21013957	Nguyễn Thị Huyền	24.02.1996					
21	230441	21013651	Nguyễn Thị Huyền	27.10.1994					
22	230442	20013659	Nguyễn Thị Huyền	04.10.1991					
23	230443	20013156	Nguyễn Thị Huyền	29.7.1994					
24	230444	20013160	Nguyễn Thị Huyền	26.08.1989					
25	230445	20013658	Nguyễn Thị Khánh Huyền	21.12.1997					
26	230446	20013016	Nguyễn Thị Thuý Huyền	26.02.1992					
27	230447	21013653	Phạm Thị Huyền	27.09.1997					
28	230448	20013158	Phạm Thị Thanh Huyền	03.07.1996					
29	230449	21013648	Vũ Thị Khánh Huyền	24.04.1998					
30	230450	21013646	Vương Thị Huyền	24.10.1995					
31	230451	21013058	Trần Thị Thu Huyền	28.12.1988					
32	230452	21014157	Nguyễn Thị Khanh	02.11.1980					
33	230453	21014158	Nguyễn Thị Khánh	05.02.1988					
34	230454	20013662	Nguyễn Thị Kim Khánh	18.10.1995					
35	230455	21013662	Hà Ngọc Khương	12.07.1972					
36	230456	21013661	Quách Văn Khương	30.10.1975					
37	230457	21014050	Đinh Thị Mai Khuyên	21.11.1995					
38	230458	21014005	Trần Thị Khuyên	24.04.1992					
39	230459	20013006	Đỗ Thị Kiều	27.11.1992					

40	230460	20013976	Ma Thị Kiều	20.08.1990					
41	230461	21013663	Đào Bạch Kim	22.12.1971					
42	230462	20013977	Nguyễn Thị Kim	26.09.1994					
43	230463	20013504	Nguyễn Văn Lạc	24.05.1975					
44	230464	21013664	Võ Thị Lại	20.12.1973					
45	230465	20013161	Đặng Thị Lan	29.12.1989					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023*

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Ngày thi: 26.11.2023

Phòng thi số: 16

Địa điểm thi: P.611-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230466	21013673	Đỗ Thị Lan	05.12.1973					
2	230467	21013670	Đỗ Thị Hồng Lan	19.08.1976					
3	230468	21013668	Đỗ Thị Hương Lan	07.09.1998					
4	230469	21013669	Đỗ Thị Ngọc Lan	25.11.1996					
5	230470	21014162	Hà Thị Thu Lan	28.06.1993					
6	230471	21014161	Nguyễn Thị Lan	09.06.1989					
7	230472	21013295	Nguyễn Thị Lan	01.11.1991					
8	230473	21014390	Nguyễn Thị Lan	21.07.1971					
9	230474	21013671	Nguyễn Thị Lan	28.05.1971					
10	230475	20013506	Nguyễn Thị Hương Lan	01.12.1972					
11	230476	21013676	Nguyễn Thị Ngọc Lan	20.05.1979					
12	230477	21013672	Nguyễn Thị Tuyết Lan	07.08.1974					
13	230478	21013300	Chu Thị Lân	22.10.1988					
14	230479	20013162	Lương Thị Thùy Lanh	24.07.1989					
15	230480	21013681	Phạm Thị Lập	02.09.1983					
16	230481	20013163	Chu Thị Lê	17.11.1994					
17	230482	21013682	Nông Thị Lê	16.08.1992					
18	230483	20013664	Vũ Thị Mai Lê	02.11.1971					
19	230484	20013164	Nguyễn Nhật Lệ	29.08.1985					
20	230485	21014163	Nguyễn Thị Lệ	07.01.1992					
21	230486	21014164	Nguyễn Thị Lệ	08.01.1992					
22	230487	21014165	Đinh Thanh Liêm	17.05.1987					
23	230488	21013304	Bùi Thị Phương Liên	09.12.1991					
24	230489	21014166	Cao Thị Kim Liên	17.06.1988					
25	230490	21013685	Dương Thị Liên	14.05.1991					
26	230491	21013687	Lương Thị Liên	19.09.1991					
27	230492	20013979	Nguyễn Thị Mỹ Liên	18.11.1996					
28	230493	20013165	Phan Thị Liên	21.04.1992					
29	230494	21014167	Phùng Thị Liên	23.11.1992					
30	230495	20013329	Trần Thị Bích Liên	07.09.1977					
31	230496	21013684	Vũ Thị Liên	20.08.1974					
32	230497	21013683	Khổng Thị Liên	20.08.1981					
33	230498	21014168	Nguyễn Thị Thúy Liễu	29.04.1986					
34	230499	20013399	Cần Thị Hương Linh	10.01.1994					
35	230500	21014170	Đặng Hồng Linh	15.12.1995					
36	230501	20013667	Đào Khánh Linh	06.08.1994					
37	230502	21013697	Dương Thủy Linh	12.09.1996					
38	230503	20013167	Dương Tố Linh	16.06.1995					

39	230504	20013890	Hoàng Thị Hà Linh	11.07.1989					
40	230505	21013695	Lê Thùy Linh	11.11.1994					
41	230506	21013309	Lương Thùy Linh	19.06.1998					
42	230507	21013069	Nguyễn Thị Linh	03.02.1991					
43	230508	21013696	Nguyễn Thị Khánh Linh	09.04.1996					
44	230509	20013981	Nguyễn Thị Mỹ Linh	29.05.1995					
45	230510	20013168	Nguyễn Thị Thảo Linh	12.05.1997					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023*

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 17

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.701-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230511	20013668	Nguyễn Thùy Linh	27.10.1994					
2	230512	21013698	Phạm Diệu Linh	02.11.1994					
3	230513	21014169	Phạm Khải Linh	27.08.1996					
4	230514	21013692	Phạm Khánh Linh	29.11.1996					
5	230515	20013398	Phạm Thị Linh	30.08.1988					
6	230516	21013694	Tô Thùy Linh	19.12.1995					
7	230517	20013435	Trần Khánh Linh	29.09.1996					
8	230518	20013824	Trần Thị Thùy Linh	16.04.1996					
9	230519	21014392	Nguyễn Hải Linh	07.10.2000					
10	230520	20013172	Cần Thị Loan	18.10.1993					
11	230521	20013985	Đỗ Thị Loan	05.01.1996					
12	230522	21014173	Nguyễn Thị Loan	03.12.1981					
13	230523	21014172	Nguyễn Thị Thanh Loan	26.04.1989					
14	230524	20013986	Nguyễn Thị Thanh Loan	13.03.1994					
15	230525	20013169	Phạm Thị Loan	14.10.1981					
16	230526	21013679	Phạm Thị Loan	12.04.1986					
17	230527	20013170	Lê Thị Loan	16.10.1989					
18	230528	21013074	Đinh Thị Lợi	26.08.1994					
19	230529	20013301	Phạm Đức Long	17.01.1977					
20	230530	21013703	Ngô Thị Lư	18.08.1993					
21	230531	20013671	Nguyễn Thành Luân	08.08.1988					
22	230532	21013313	Đinh Thị Lương	28.08.1989					
23	230533	21013075	Hoàng Thị Lương	22.09.1994					
24	230534	21013076	Khuất Thị Mai Lương	09.06.1994					
25	230535	20013514	Tạ Quang Lưu	03.10.1973					
26	230536	20013173	Lê Thị Lựu	01.11.1988					
27	230537	20013510	Đỗ Thị Luyến	28.08.1990					
28	230538	20013511	Ngô Thị Kim Luyến	14.09.1975					
29	230539	20013512	Nguyễn Thị Luyến	01.11.1976					
30	230540	21014176	Nguyễn Thị Luyến	05.01.1990					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

Trưởng điểm thi

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 18

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.702-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230541	20013672	Phạm Thị Luyến	16.08.1985					
2	230542	21013705	Nguyễn Thị Luyến A	14.10.1994					
3	230543	20013045	Hoàng Ly Ly	19.06.1994					
4	230544	21013707	Nguyễn Hà Ly	20.04.1994					
5	230545	20013174	Nguyễn Thị Lý	21.11.1995					
6	230546	21013316	Nguyễn Thị Lý	22.12.1994					
7	230547	21013077	Nguyễn Thị Lý	09.10.1990					
8	230548	21014178	Đào Thị Ngọc Mai	13.06.1994					
9	230549	21014405	Đinh Thị Hương Mai	01.05.1992					
10	230550	20013517	Kiều Thị Mai	10.07.1984					
11	230551	20013046	Kiều Thuý Mai	20.03.1993					
12	230552	21013712	Lê Thị Ngọc Mai	23.7.1996					
13	230553	21014179	Lường Thị Mai	17.07.1990					
14	230554	20013402	Lý Thị Mai	20.08.1976					
15	230555	20013177	Nguyễn Thị Mai	25.08.1992					
16	230556	20013518	Nguyễn Thị Mai	07.12.1993					
17	230557	21013319	Nguyễn Thị Mai	22.03.1991					
18	230558	21013317	Nguyễn Thị Mai	01.03.1996					
19	230559	21013711	Nguyễn Thị Phương Mai	11.11.1991					
20	230560	20013179	Nguyễn Thị Thanh Mai	25.06.1991					
21	230561	20013183	Nguyễn Thị Thu Mai	12.01.1994					
22	230562	20013180	Nguyễn Thị Xuân Mai	22.11.1992					
23	230563	20013366	Phạm Thị Mai	26.03.1983					
24	230564	20013178	Phạm Thị Ngọc Mai	25.04.1995					
25	230565	20013181	Phạm Thị Tuyết Mai	02.09.1991					
26	230566	20013401	Phan Thị Mai	27.08.1992					
27	230567	21013710	Trần Thị Tuyết Mai	08.02.1975					
28	230568	20013010	Nguyễn Thị Mận	25.11.1993					
29	230569	21013718	Nguyễn Thị Mậu	10.02.1999					
30	230570	20013184	Đào Thị Mây	02.03.1991					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

Trưởng điểm thi

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 19

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.703-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230571	21014180	Hoàng Thị Mến	23.10.1993					
2	230572	21013722	Hoàng Thị Mến	22.09.1995					
3	230573	21013958	Nguyễn Thị Mến	09.11.1972					
4	230574	21013723	Nguyễn Thị Mến	13.11.1971					
5	230575	21013325	Phạm Thị Mến	01.01.1992					
6	230576	20013404	Phạm Thị Mến	16.07.1993					
7	230577	20013993	Hà Thị Miên	04.03.1991					
8	230578	20013836	Nguyễn Thị Mơ	29.07.1993					
9	230579	21013726	Đặng Thị Phương Mùi	15.07.1991					
10	230580	20013436	Ngô Thị Mùi	25.08.1991					
11	230581	20013011	Nguyễn Thị Mùi	04.11.1991					
12	230582	21014393	Chu Thúy Mừng	18.11.2003					
13	230583	20013674	Bùi Thị My	20.09.1990					
14	230584	21013328	Lê Thị Phượng My	02.05.1996					
15	230585	21013728	Nguyễn Ngọc Thùy My	08.11.1993					
16	230586	20013675	Phạm Thị Họa My	24.08.1998					
17	230587	21013730	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	24.02.1975					
18	230588	20013521	Phùng Thị Kim Mỹ	18.09.1978					
19	230589	20013367	Nguyễn Thị Thanh My	21.12.1981					
20	230590	21013731	Hoàng Văn Nam	01.05.1973					
21	230591	20013302	Nguyễn Hoàng Nam	31.12.1975					
22	230592	21014181	Đặng Thị Nga	02.08.1979					
23	230593	21013331	Đỗ Thị Hằng Nga	23.08.1991					
24	230594	21014182	Dương Thị Nga	14.10.1991					
25	230595	20013997	Hán Thị Thu Nga	02.12.1994					
26	230596	21014183	Hoàng Thị Bích Nga	12.11.1992					
27	230597	21013734	Hoàng Thị Thu Nga	11.11.1975					
28	230598	21013978	Lê Thị Thanh Nga	09.10.1979					
29	230599	20013189	Nguyễn Thị Nga	04.03.1994					
30	230600	20013998	Nguyễn Thị Nga	14.12.1991					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

Trưởng điểm thi

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **20**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.704-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230601	21013735	Nguyễn Thị Nga	25.10.1073					
2	230602	21013740	Phạm Thu Nga	01.05.1994					
3	230603	21013737	Phan Thị Nga	22.07.1973					
4	230604	21013741	Vũ Quỳnh Nga	12.08.1994					
5	230605	21013088	Tô Như Ngà	04.12.1993					
6	230606	21014012	Hà Thị Ngân	15.08.1988					
7	230607	20013190	Lê Thị Hồng Ngân	08.06.1994					
8	230608	21013745	Long Hị Thanh Ngân	10.11.1987					
9	230609	21013747	Nguyễn Thị Kim Ngân	03.12.1998					
10	230610	21014013	Phuong Thị Kim Ngân	29.04.1995					
11	230611	20014000	Trần Thị Ngân	25.03.1993					
12	230612	21014185	Vũ Thị Ngân	25.08.1991					
13	230613	20013368	Vương Thị Kim Ngân	27.11.1976					
14	230614	21014184	Đoàn Thị Thúy Ngân	15.06.1997					
15	230615	21013748	Khuất Thị Ngân	12.10.1970					
16	230616	21013091	Vũ Thị Ngát	11.12.1991					
17	230617	20013018	Đỗ Thị Nghĩa	01.05.1984					
18	230618	20013523	Nguyễn Thị Nghiệp	22.07.1978					
19	230619	21013093	Nguyễn Thị Ngoan	02.12.1995					
20	230620	21014014	Bùi Thị Ngọc	15.12.1990					
21	230621	21013753	Cam Thị Ngọc	28.4.1994					
22	230622	21013754	Hà Văn Ngọc	15.08.1977					
23	230623	20013192	Lê Bích Ngọc	06.10.1996					
24	230624	20013839	Lê Thị Bích Ngọc	04.11.1991					
25	230625	20013191	Nguyễn Thị Ngọc	20.06.1989					
26	230626	21014056	Nguyễn Thị Ngọc	08.08.1989					
27	230627	21014394	Nguyễn Thị Ngọc	20.02.1996					
28	230628	21013755	Nguyễn Thúy Ngọc	15.08.1982					
29	230629	20014004	Phùng Thị Ngọc	01.06.1990					
30	230630	20013841	Vũ Thị Mỹ Ngọc	17.10.1991					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **21**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.706-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230631	21013095	Đỗ Minh Nguyên	28.11.1991					
2	230632	20013369	Bùi Thị Nguyệt	13.02.1972					
3	230633	21013979	Lê Thị Nguyệt	22.12.1972					
4	230634	21013096	Lê Thị Minh Nguyệt	14.02.1997					
5	230635	21013343	Lương Thị Nguyệt	20.12.1974					
6	230636	20013683	Nguyễn Ánh Nguyệt	25.10.1996					
7	230637	20013048	Nguyễn Thị Nguyệt	13.12.1991					
8	230638	20103341	Nguyễn Thu Nguyệt	21.06.1975					
9	230639	20013194	Phan Ánh Nguyệt	11.06.1992					
10	230640	20014006	Trần Thị Nguyệt	23.03.1992					
11	230641	20013685	Đinh Thị Thanh Nhã	12.09.1996					
12	230642	21014186	Lê Thị Nhã	02.11.1981					
13	230643	21013762	Đào Thị Nhài	28.01.1974					
14	230644	21014187	Nguyễn Thị Nhài	02.01.1985					
15	230645	20013842	Trần Thị Nhài	15.11.1993					
16	230646	20013528	Nguyễn Thị Thu Nhân	28.10.1976					
17	230647	21013764	Bạch Thị Hồng Nhật	07.08.1998					
18	230648	20013530	Phùng Hồng Nhật	26.10.1993					
19	230649	20014007	Nguyễn Tuyết Nhi	16.08.1991					
20	230650	210141189	Bùi Thị Nhị	23.04.1994					
21	230651	20013196	Nguyễn Thị Như	03.08.1998					
22	230652	20013688	Dương Thị Quỳnh Như	07.06.1979					
23	230653	20013889	Chu Thị Hồng Nhung	27.08.1992					
24	230654	21014191	Đặng Thị Hồng Nhung	14.11.1993					
25	230655	20013199	Đỗ Thị Thanh Nhung	20.07.1990					
26	230656	21013098	Đoàn Thị Nhung	25.10.1994					
27	230657	21013099	Đoàn Thị Nhung	29.09.1996					
28	230658	20013198	Hoàng Thị Hồng Nhung	27.10.1993					
29	230659	21013769	Lê Tuyết Nhung	03.11.1991					
30	230660	21013770	Lương Thị Nhung	28.08.1977					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **22**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.707-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230661	21014190	Lưu Thị Nhung	10.11.1989					
2	230662	20013197	Nguyễn Thị Nhung	23.09.1989					
3	230663	20013531	Nguyễn Thị Nhung	04.12.1996					
4	230664	21014192	Nguyễn Thị Nhung	15.03.1992					
5	230665	20014010	Nguyễn Thị Nhung	16.04.1994					
6	230666	21013347	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26.10.1992					
7	230667	20013689	Nguyễn Thị Hồng Nhung	01.07.1974					
8	230668	21013768	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21.09.1974					
9	230669	20013049	Nguyễn Thị Kim Nhung	13.09.1994					
10	230670	20013407	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	13.01.1978					
11	230671	21013101	Phạm Thị Nhung	15.12.1993					
12	230672	20013406	Phùng Thị Trang Nhung	05.03.1977					
13	230673	20013201	Đào Thị Ninh	30.07.1989					
14	230674	20013202	Ngô Thị Thanh Ninh	27.01.1996					
15	230675	20013691	Nguyễn Thị Ninh	01.12.1971					
16	230676	21013775	Nguyễn Thị Hải Ninh	13.03.1975					
17	230677	21013776	Vũ Thị Ninh	14.09.1987					
18	230678	20013692	Đào Thị Nụ	20.12.1995					
19	230679	21014193	Trịnh Thị Nụ	05.04.1989					
20	230680	21014197	Đàm Thị Oanh	14.09.1989					
21	230681	20013370	Đỗ Thị Oanh	25.09.1985					
22	230682	21014194	Đỗ Thị Kiều Oanh	29.10.1981					
23	230683	20013532	Đỗ Thị Kim Oanh	28.02.1974					
24	230684	21013782	Dương Kiều Oanh	04.08.1973					
25	230685	21013959	Khuất Thị Oanh	22.02.1993					
26	230686	21014195	Kiều Oanh	27.05.1990					
27	230687	21014059	Lê Thị Kim Oanh	03.09.1997					
28	230688	21013781	Nguyễn Thị Oanh	04.10.1972					
29	230689	20013694	Nguyễn Thị Oanh	04.10.1996					
30	230690	20013409	Nguyễn Thị Oanh	03.03.1994					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **23**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.708-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230691	20014014	Nguyễn Thị Oanh	14.04.1978					
2	230692	21013778	Nguyễn Thị Oanh	14.12.1972					
3	230693	20013695	Nguyễn Thị Dương Oanh	15.07.1971					
4	230694	21014196	Nguyễn Thị Kim Oanh	28.04.1980					
5	230695	20013203	Nguyễn Thị Kim Oanh	01.09.1986					
6	230696	21013779	Trần Ngọc Oanh	22.03.1997					
7	230697	20013534	Trần Thị Oanh	24.01.1977					
8	230698	21013785	Trần Thị Hồng Phan	13.04.1996					
9	230699	20013204	Tạ Thị Thu Phần	05.07.1986					
10	230700	21013786	Nguyễn Thị Phi	01.07.1984					
11	230701	20013696	Trần Thị Phin	21.10.1972					
12	230702	21013537	Nguyễn Thị Phú	18.08.1972					
13	230703	20013205	Hoàng Thị Phúc	31.10.1991					
14	230704	20013849	Nguyễn Thị Phúc	04.09.1998					
15	230705	20013051	Bùi Thị Hoài Phương	24.11.1996					
16	230706	21014306	Đào Ngọc Phương	24.04.1984					
17	230707	21013361	Đinh Thị Lan Phương	18.10.1994					
18	230708	20014015	Dương Thị Phương	07.08.1994					
19	230709	21013106	Hoàng Thị Phương	06.08.1976					
20	230710	21013360	Lê Thị Phương	28.01.1987					
21	230711	21013792	Nguyễn Thế Phương	14.12.1971					
22	230712	20013209	Nguyễn Thị Phương	03.12.1992					
23	230713	20013208	Nguyễn Thị Phương	25.10.1990					
24	230714	20014019	Nguyễn Thị Dung Phương	05.02.1985					
25	230715	20013699	Nguyễn Thị Minh Phương	24.07.1972					
26	230716	21013793	Nguyễn Thị Minh Phương	08.08.1995					
27	230717	21014201	Nguyễn Thị Thu Phương	10.10.1989					
28	230718	20013697	Nguyễn Thị Thu Phương	30.12.1995					
29	230719	20013700	Nguyễn Thị Thu Phương	04.10.1989					
30	230720	21013794	Nguyễn Thị Thu Phương	15.06.1971					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 24

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.710-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230721	21014200	Nguyễn Thị Thuý Phương	15.11.1991					
2	230722	20013210	Trần Thị Mai Phương	31.05.1986					
3	230723	21013796	Trịnh Hà Phương	23.12.1996					
4	230724	20013698	Vũ Thu Phương	04.01.1996					
5	230725	20013371	Vũ Văn Phương	20.07.1975					
6	230726	21013984	Đỗ Thị Kim Phương	04.10.1973					
7	230727	20013212	Hoàng Bích Phương	01.09.1995					
8	230728	20014022	Kiều Thị Phương	02.05.1988					
9	230729	20013050	Lê Thị Phương	19.10.1989					
10	230730	21013110	Nguyễn Thị Phương	09.09.1994					
11	230731	21014202	Nguyễn Thị Phương	15.10.1985					
12	230732	20013207	Nguyễn Thị Phương	02.04.1982					
13	230733	20013055	Nguyễn Thị Phương	22.02.1991					
14	230734	20013851	Nguyễn Thị Phương	26.08.1991					
15	230735	20014027	Tạ Thị Phương	21.05.1991					
16	230736	20013702	Trần Kim Phương	28.08.1975					
17	230737	20013213	Trần Thị Phương	20.12.1993					
18	230738	21013108	Nguyễn Thị Phương	12.08.1992					
19	230739	20013540	Trương Thị Quế	31.10.1976					
20	230740	20013704	Đinh Thị Quý	13.06.1972					
21	230741	20013703	Nguyễn Thị Quý	30.10.1973					
22	230742	21013802	Võ Thị Quý	18.12.1977					
23	230743	21014203	Bùi Thị Hồng Quyên	11.06.1988					
24	230744	21014205	Đàm Thị Quyên	25.02.1984					
25	230745	21014206	Đặng Thị Bích Quyên	17.07.1995					
26	230746	20013705	Nguyễn Thị Quyên	31.08.1974					
27	230747	21013804	Nguyễn Thị Quyên	15.10.1973					
28	230748	20013542	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	27.09.1983					
29	230749	21013807	Phạm Thị Lệ Quyên	12.12.1984					
30	230750	20013052	Phí Thị Quyên	25.01.1993					
31	230751	21014015	Trần Thị Quyên	08.03.1988					
32	230752	20013854	Nguyễn Thị Quyển	08.09.1982					
33	230753	21013806	Nguyễn Thị Quyên	03.11.1994					
34	230754	21014207	Đoàn Thu Quỳnh	20.10.1996					
35	230755	20013215	Dương Thuý Quỳnh	10.02.1993					
36	230756	21013809	Nguyễn Mỹ Quỳnh	10.09.1995					
37	230757	20013598	Nguyễn Thị Quỳnh	17.10.1995					
38	230758	21013113	Nguyễn Thị Quỳnh	02.10.1996					
39	230759	21013987	Nguyễn Thị Như Quỳnh	21.08.1995					

40	230760	20013216	Nguyễn Thị Như Quỳnh	30.09.1993					
41	230761	20013855	Trần Thị Quỳnh	18.10.1995					
42	230762	20014031	Trương Thị Quỳnh	05.06.1997					
43	230763	21013811	Khuất Thị Sâm	18.01.1975					
44	230764	20013708	Nguyễn Huyền Sâm	16.11.1976					
45	230765	20013707	Vũ Thị Sâm	13.06.1990					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023*

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Ngày thi: 26.11.2023

Phòng thi số: 25

Địa điểm thi: P.711-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230766	21013960	Đỗ Thị Sáu	20.05.1979					
2	230767	21014208	Đỗ Thị Sen	17.07.1996					
3	230768	20014032	Lê Thị Sinh	20.02.1989					
4	230769	21014209	Nguyễn Thị Sinh	24.05.1993					
5	230770	20013218	Nguyễn Thị Kim Sinh	24.08.1993					
6	230771	21014210	Khuất Thị Sơn	05.11.1987					
7	230772	20013543	Hà Thị Tám	28.12.1977					
8	230773	21014211	Cao Thị Phương Tâm	07.10.1995					
9	230774	20013219	Đinh Thị Ngọc Tâm	17.08.1982					
10	230775	20013440	Đỗ Thị Thanh Tâm	14.11.1986					
11	230776	21013115	Lã Thị Tâm	07.02.1990					
12	230777	20013053	Lê Thị Tâm	01.12.1992					
13	230778	21013816	Lê Thị Thanh Tâm	31.03.1991					
14	230779	21013814	Mai Thị Thanh Tâm	10.04.1977					
15	230780	20013220	Nguyễn Thị Tâm	15.12.1984					
16	230781	21013379	Nguyễn Thị Thu Tâm	01.07.1990					
17	230782	20013373	Phùng Thị Thanh Tâm	16.04.1978					
18	230783	21013817	Tạ Thị Thanh Tâm	10.09.1997					
19	230784	21013117	Nguyễn Thị Tầm	05.07.1994					
20	230785	20014034	Phạm Thị Thắm	02.05.1996					
21	230786	20013557	Đinh Thị Thắm	09.07.1977					
22	230787	20013413	Nguyễn Thị Thắm	15.08.1981					
23	230788	20013441	Nguyễn Thị Thắm	24.10.1986					
24	230789	20013222	Nguyễn Thị Thắm	07.12.1997					
25	230790	21013820	Nguyễn Thị Thắm	20.7.1975					
26	230791	21014213	Sái Thị Thắm	26.06.1981					
27	230792	20013558	Vũ Thị Thắm	01.11.1992					
28	230793	21013827	Dương Thị Thắng	20.06.1973					
29	230794	21013824	Nguyễn Quang Thắng	19.07.1966					
30	230795	20013713	Bùi Thị Thanh	04.10.1974					
31	230796	20013710	Đặng Thị Vân Thanh	03.02.1992					
32	230797	20013223	Đỗ Thị Thanh	18.04.1993					
33	230798	20013711	Hoàng Phương Thanh	15.11.1996					
34	230799	21014214	Hoàng Thị Thanh	22.01.1985					
35	230800	20013859	Hoàng Thị Thanh	20.12.1988					
36	230801	21013831	Nguyễn Thị Thanh	31.03.1993					
37	230802	21014215	Nguyễn Thị Thanh	27.10.1986					
38	230803	21013383	Nguyễn Thị Thanh	25.11.1992					

39	230804	21013832	Nguyễn Thị Thanh	26.03.1995					
40	230805	20014036	Nguyễn Thị Hương Thanh	22.07.1985					
41	230806	21013833	Nguyễn Thị Kim Thanh	09.11.1982					
42	230807	20014037	Trần Thị Thanh	03.02.1992					
43	230808	20013224	Nguyễn Thị Tiến Thành	15.12.1988					
44	230809	20013054	Nguyễn Thị Thanh	02.12.1989					
45	230810	21014216	Hoàng Thị Anh Thảo	19.12.1996					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023*

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **26**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.801-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230811	21013386	Nguyễn Kim Thao	27.05.1992					
2	230812	21014408	Đặng Hồng Thảo	28.12.1992					
3	230813	20013718	Dương Thị Thảo	24.12.1971					
4	230814	20014039	Dương Thị Thảo	27.11.1995					
5	230815	20013554	Hà Thị Thảo	27.02.1974					
6	230816	21013118	Hoàng Thị Thảo	19.05.1994					
7	230817	21014217	Lê Thị Thảo	23.11.1984					
8	230818	20013442	Ngô Minh Thảo	11.08.1980					
9	230819	21014067	Nguyễn Phương Thảo	19.11.2000					
10	230820	21013121	Nguyễn Thị Thảo	05.02.1984					
11	230821	20014040	Nguyễn Thị Thảo	03.06.2000					
12	230822	20013021	Nguyễn Thị Thảo	28.12.1992					
13	230823	20013226	Nguyễn Thị Thảo	20.08.1987					
14	230824	20014041	Nguyễn Thị Thảo	18.05.1994					
15	230825	20014043	Nguyễn Thị Phương Thảo	27.08.1981					
16	230826	21013389	Nguyễn Thị Phương Thảo	11.02.1991					
17	230827	21013120	Nguyễn Thị Phương Thảo	16.07.1995					
18	230828	21013835	Vũ Văn Thảo	21.12.1974					
19	230829	21013119	Lê Thị Thảo	20.05.1989					
20	230830	20014042	Nguyễn Thị Phương Thảo	10.06.1997					
21	230831	20013376	Nguyễn Thị Thêm	10.12.1977					
22	230832	21013844	Nguyễn Thị Thêu	05.03.1973					
23	230833	20013340	Trần Thị Thi	01.06.1977					
24	230834	20013559	Quách Thị Thu Thiện	28.08.1976					
25	230835	20013227	Trần Thị Thịnh	22.02.1983					
26	230836	20013228	Đỗ Văn Thịnh	25.09.1968					
27	230837	20013719	Chu Thị Thoa	23.11.1975					
28	230838	20013720	Lê Thị Lê Thoa	28.07.1975					
29	230839	21013853	Nguyễn Thị Thoa	30.04.1996					
30	230840	21013852	Nguyễn Thị Thoa	29.06.1974					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **27**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.802-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230841	20013230	Nguyễn Thị Thoa	10.08.1979					
2	230842	20013721	Nguyễn Thị Thoát	17.04.1971					
3	230843	21013858	Bùi Thị Thơm	27.07.1997					
4	230844	21013855	Lại Thị Thơm	13.06.1996					
5	230845	21013401	Lê Thị Thơm	25.09.1985					
6	230846	20013561	Lê Thị Thơm	03.11.1972					
7	230847	21013859	Lê Thị Thơm	01.09.1994					
8	230848	21013857	Nguyễn Ngọc Thơm	14.07.1975					
9	230849	20014047	Nguyễn Thị Thơm	15.12.1996					
10	230850	21013856	Nguyễn Thị Thơm	06.09.1975					
11	230851	20013231	Triệu Thị Thơm	25.08.1992					
12	230852	20013232	Vương Thị Thơm	6.4.1976					
13	230853	20013239	Đỗ Thị Thanh Thu	22.07.1985					
14	230854	20013723	Hà Thị Thu	25.02.1971					
15	230855	21013127	Hoa Thị Hoài Thu	16.10.1992					
16	230856	20013867	Khuất Thị Thu	10.07.1991					
17	230857	20013866	Khuất Thị Thu	17.02.1988					
18	230858	21014016	Lê Thị Thu	31.08.1993					
19	230859	20013236	Nghiêm Thị Thu	20.12.1991					
20	230860	20013725	Nguyễn Thị Thu	11.12.1973					
21	230861	20013724	Nguyễn Thị Thu	01.06.1975					
22	230862	20013868	Nguyễn Thị Thu	16.08.1983					
23	230863	21013861	Nguyễn Thị Thu	20.12.1975					
24	230864	21013862	Phạm Thị Thu	30.11.1989					
25	230865	20013869	Phùng Thị Thu	24.07.1984					
26	230866	21014221	Thiều Thị Thu	06.09.1996					
27	230867	20013235	Trần Thị Thu	16.11.1985					
28	230868	20013237	Trần Thị Thu	12.01.1993					
29	230869	20013726	Đỗ Thị Kiều Thu	11.08.1971					
30	230870	20014050	Hà Mai Thu	11.09.1995					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 28

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.803-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230871	20013576	Hà Thị Anh Thư	12.03.0976					
2	230872	20013240	Nguyễn Thị Hồng Thư	15.01.1992					
3	230873	21013865	Hà Thị Thụ	09.08.1976					
4	230874	20013241	Phùng Thị Thuần	16.09.1992					
5	230875	20013565	Đỗ Thị Thuận	20.06.1987					
6	230876	21013407	Nguyễn Thị Thuận	04.07.1994					
7	230877	20013578	Hà Văn Thức	20.02.1974					
8	230878	20013057	Kiều Thị Thức	19.05.1987					
9	230879	21013866	Nguyễn Thị Thức	11.06.1975					
10	230880	21013867	Nguyễn Huyền Thương	05.08.1996					
11	230881	20013243	Nguyễn Thị Thương	20.10.1991					
12	230882	20013242	Nguyễn Thị Thương	01.01.1992					
13	230883	21014017	Phạm Thị Minh Thương	12.11.1994					
14	230884	20013245	Cần Thị Thuý	25.11.1985					
15	230885	21013877	Đàm Thị Phương Thuý	04.12.1997					
16	230886	20013732	Đặng Thị Thanh Thuý	03.05.1974					
17	230887	20013246	Nguyễn Minh Thuý	02.07.1995					
18	230888	21013876	Nguyễn Thị Thuý	29.07.1997					
19	230889	20013574	Nguyễn Thị Thuý	18.07.1994					
20	230890	20013058	Nguyễn Thị Thuý	09.01.1987					
21	230891	20013733	Trần Thị Ngọc Thuý	25.09.1972					
22	230892	20013248	Đỗ Bích Thuý	22.12.1982					
23	230893	20213134	Nghiêm Thị Thuý	26.02.1996					
24	230894	21013416	Nguyễn Thị Thuý	18.12.1996					
25	230895	21013414	Phạm Minh Thuý	11.12.1991					
26	230896	20013737	Đặng Thu Thuý	13.09.1995					
27	230897	21013889	Lưu Thị Thuý	15.07.1989					
28	230898	21014227	Nguyễn Thị Thuý	09.01.1984					
29	230899	21013890	Nguyễn Thị Thuý	20.09.1996					
30	230900	20013730	Nguyễn Thị Thuý	01.01.1976					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

Trưởng điểm thi

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **29**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.804-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230901	21013138	Nguyễn Thị Thu Thủy	18.12.1997					
2	230902	21013419	Phan Thị Thủy	20.06.1995					
3	230903	20013377	Bùi Phương Thúy	26.07.1977					
4	230904	21013872	Chu Thị Thúy	14.05.1972					
5	230905	20014051	Đàm Thị Thúy	04.07.1992					
6	230906	20013728	Đào Thị Thúy	30.06.1971					
7	230907	20013251	Đào Thị Thúy	19.01.1996					
8	230908	20013873	Dương Thị Thúy	10.12.1978					
9	230909	21013135	Khuất Thị Thúy	26.04.1990					
10	230910	20013244	Lê Thị Thúy	28.02.1991					
11	230911	20013727	Lê Thị Thúy	15.04.1971					
12	230912	21014229	Lưu Thị Thúy	10.01.1997					
13	230913	21014228	Nguyễn Thị Thúy	25.11.1992					
14	230914	20013874	Nguyễn Thị Thúy	14.04.1986					
15	230915	20013247	Nguyễn Thị Thúy	01.01.1997					
16	230916	20013575	Nguyễn Thị Thúy	22.05.1996					
17	230917	21013875	Nguyễn Thị Thanh Thúy	25.10.1977					
18	230918	20013378	Trần Thị Thúy	28.01.1975					
19	230919	21014230	Hoàng Thị Thùy	13.10.1996					
20	230920	21013880	Lê Thị Thùy	22.12.1995					
21	230921	21013881	Nguyễn Thị Thùy	06.11.1995					
22	230922	21013882	Phạm Thị Thùy	03.07.1993					
23	230923	21013887	Đinh Thị Bích Thủy	21.07.1977					
24	230924	21013884	Đỗ Thị Thủy	07.10.1972					
25	230925	20013445	Đỗ Thị Thanh Thủy	17.09.1996					
26	230926	21013886	Dương Thị Thu Thủy	22.01.1997					
27	230927	20013566	Hà Thị Thanh Thủy	06.01.1973					
28	230928	20013568	Lê Thị Ngọc Thủy	24.02.1970					
29	230929	20013736	Lò Thị Thuận Thủy	05.01.1978					
30	230930	21014333	Lưu Thị Thủy	14.07.1971					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **30**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.806-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230931	21014234	Nguyễn Thị Thủy	24.05.1996					
2	230932	20013250	Nguyễn Thị Bích Thủy	01.02.1994					
3	230933	20013729	Nguyễn Thị Bích Thủy	15.04.1972					
4	230934	21014233	Nguyễn Thị Thu Thủy	26.12.1983					
5	230935	21013418	Nguyễn Thị Thu Thủy	06.06.1994					
6	230936	20013249	Nguyễn Thị Thu Thủy	12.09.1973					
7	230937	20013735	Nguyễn Thu Thủy	25.04.1997					
8	230938	21014232	Phạm Thị Thủy	27.08.1984					
9	230939	20014058	Trần Thanh Thủy	22.01.1991					
10	230940	21013141	Trần Thị Thủy	14.08.1992					
11	230941	21014231	Cao Thị Thùy	21.08.1990					
12	230942	20013731	Hoàng Thị Thủy	18.12.1972					
13	230943	20013595	Kiều Thị Thuyết	03.02.1990					
14	230944	20013252	Nguyễn Thị Thuyết	22.11.1996					
15	230945	20013544	Trần Thị Tính	04.01.1975					
16	230946	21014235	Khuất Thị Thuý Tĩnh	16.11.1992					
17	230947	21013896	Nguyễn Thị Tình	03.06.1974					
18	230948	21013897	Nguyễn Thị Hoàng Tình	13.09.1978					
19	230949	20014059	Thiều Thị Tình	03.02.1988					
20	230950	21013144	Nguyễn Thị Tĩnh	21.07.1987					
21	230951	20013253	Nguyễn Thị Tơ	25.11.1992					
22	230952	21013898	Nguyễn Thị Toan	10.06.1980					
23	230953	20013059	Nguyễn Thị Toàn	09.09.1991					
24	230954	21013901	Lê Thị Nam Trà	17.03.1977					
25	230955	20013739	Nguyễn Thị Trà	23.03.1996					
26	230956	21014019	Nguyễn Thị Trà	18.08.1982					
27	230957	21013900	Nguyễn Thị Thanh Trà	07.03.1974					
28	230958	21014398	Bùi Hạnh Trang	20.12.2002					
29	230959	20014060	Bùi Thị Trang	09.12.1989					
30	230960	20013060	Cần Thị Thu Trang	26.07.1992					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **31**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.807-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230961	20013266	Chu Thị Thu Trang	17.12.1997					
2	230962	20013600	Đặng Thùy Trang	08.09.1990					
3	230963	21013438	Đinh Thị Quỳnh Trang	11.08.1982					
4	230964	20013741	Đỗ Diệu Huyền Trang	16.12.1993					
5	230965	20013256	Đỗ Kiều Trang	09.09.1998					
6	230966	21014242	Đỗ Thị Trang	05.08.1992					
7	230967	21013147	Dương Thị Trang	20.3.1995					
8	230968	20013265	Dương Thị Hồng Trang	24.10.1995					
9	230969	20014061	Hoàng Thị Trang	16.03.1992					
10	230970	21013903	Khuất Thị Đài Trang	12.09.1993					
11	230971	21014240	Kiều Thị Huyền Trang	19.06.1992					
12	230972	20013580	Kiều Vân Trang	08.05.1992					
13	230973	20014062	La Thị Linh Trang	01.10.1999					
14	230974	20013264	Lê Thị Thu Trang	20.02.1990					
15	230975	20013744	Lê Thu Trang	06.02.1996					
16	230976	20013262	Ngô Thị Trang	16.11.1994					
17	230977	21013912	Nguyễn Hương Trang	18.12.1999					
18	230978	20013579	Nguyễn Quỳnh Trang	17.10.1998					
19	230979	20013268	Nguyễn Thị Trang	20.02.1994					
20	230980	21013908	Nguyễn Thị Trang	30.04.1995					
21	230981	20013419	Nguyễn Thị Trang	17.08.1994					
22	230982	20014064	Nguyễn Thị Trang	02.05.1994					
23	230983	20013382	Nguyễn Thị Đoàn Trang	24.06.1978					
24	230984	20013745	Nguyễn Thị Huyền Trang	22.11.1997					
25	230985	21014237	Nguyễn Thị Huyền Trang	11.03.1991					
26	230986	20013258	Nguyễn Thị Thu Trang	12.12.1990					
27	230987	21013906	Nguyễn Thị Thu Trang	17.04.1991					
28	230988	21014239	Nguyễn Thu Trang	29.03.1994					
29	230989	21013909	Nguyễn Thu Trang	26.12.1998					
30	230990	20013263	Nguyễn Thu Trang	26.03.1985					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **32**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.808-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	230991	20013261	Nguyễn Thu Trang	14.08.1994					
2	230992	20014067	Nguyễn Thu Trang	13.07.1991					
3	230993	20013260	Nguyễn Thu Trang	01.04.1997					
4	230994	21013905	Nguyễn Thu Trang	10.06.1994					
5	230995	20013740	Phạm Thu Trang	08.08.1994					
6	230996	20013259	Phạm Thùy Trang	10.10.1993					
7	230997	20013255	Phùng Huyền Trang	03.10.1996					
8	230998	21014075	Phùng Thị Kiều Trang	22.01.1997					
9	230999	20013601	Phùng Thị Thu Trang	07.10.1990					
10	231000	20014069	Trần Thị Hồng Trang	10.09.1996					
11	231001	21014236	Trần Thị Kiều Trang	10.10.1989					
12	231002	20013581	Trần Thị Minh Trang	28.03.1993					
13	231003	21014238	Trần Thu Trang	20.06.1995					
14	231004	21013907	Trịnh Thị Huyền Trang	12.03.1991					
15	231005	21013148	Nguyễn Thị Huyền Trang	25.08.1989					
16	231006	21013996	Phùng Thị Thái Trị	25.05.1978					
17	231007	21013439	Nguyễn Thị Trinh	16.10.1996					
18	231008	20014071	Trần Thị Trinh	19.09.1993					
19	231009	20013270	Nguyễn Thị Trung	27.02.1995					
20	231010	20013746	Nguyễn Thị Tú	20.05.1991					
21	231011	21013923	Nguyễn Thị Hiền Tú	14.08.1996					
22	231012	20013313	Nguyễn Trọng Tú	20.03.1977					
23	231013	20013550	Nguyễn Thị Tư	06.09.1976					
24	231014	20013747	Cao Thị Tứ	27.10.1974					
25	231015	20013748	Nguyễn Thị Phạm Tuấn	01.11.1980					
26	231016	21014020	Đào Huy Tuấn	14.04.1977					
27	231017	20013749	Kiều Anh Tuấn	24.08.1974					
28	231018	20013271	Ngô Thanh Tùng	25.12.1993					
29	231019	21014409	Nguyễn Duy Tùng	09.12.1989					
30	231020	20013272	Chu Thị Tươi	15.11.1996					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: .....; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA**

Môn thi: **TIẾNG ANH (BẬC 3)**

Phòng thi số: **33**

Ngày thi: **26.11.2023**

Địa điểm thi: **P.810-A2**

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Ký nộp bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	231021	20013551	Nguyễn Thị Tươi	03.05.1984					
2	231022	21014007	Nguyễn Thị Hoa Tươi	12.10.1975					
3	231023	20014072	Phùng Thị Tường	11.05.1991					
4	231024	21013152	Đặng Thị Tuyên	05.02.1996					
5	231025	21014243	Nguyễn Thị Tuyên	08.04.1988					
6	231026	20014073	Nguyễn Thị Tuyên	19.04.1987					
7	231027	21014244	Phí Thị Tuyên	18.04.1991					
8	231028	20013599	Đàm Thị Tuyên	28.01.1993					
9	231029	21013929	Vũ Thị Kim Tuyền	14.05.1978					
10	231030	20013546	Vũ Thị Kim Tuyền	03.07.1995					
11	231031	21014245	Phạm Thị Thanh Tuyền	29.02.1996					
12	231032	21014400	Hà Ngọc Tuyền	11.04.1989					
13	231033	21014247	Đoàn Thị Tuyết	01.07.1998					
14	231034	21014410	Hoàng Thị Tuyết	03.05.1978					
15	231035	20013273	Hoàng Thị Tuyết	06.07.1992					
16	231036	20013547	Hoàng Thị Tuyết	18.08.1997					
17	231037	20013752	Nguyễn Thị Tuyết	07.07.1995					
18	231038	21013931	Nguyễn Thị Tuyết	01.11.1973					
19	231039	21013154	Trần Thị Tuyết	24.02.1998					
20	231040	20013307	Nguyễn Đình Ty	19.11.1977					
21	231041	21014248	Nguyễn Thị Ứng	15.04.1988					
22	231042	20013585	Đỗ Hồng Uyên	11.07.1996					
23	231043	20013274	Nguyễn Thị Uyên	21.07.1993					
24	231044	21013933	Nguyễn Thị Uyên	19.10.1994					
25	231045	21013449	Nguyễn Thị Tố Uyên	08.05.1990					
26	231046	21014080	Phạm Thị Uyên	11.02.1984					
27	231047	21013934	Bùi Thị Thanh Vân	18.02.1974					
28	231048	21014401	Cần Thị Vân	28.11.1995					
29	231049	21014249	Khuất Thị Vân	19.09.1990					
30	231050	20013277	Lê Thị Hồng Vân	15.11.1993					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐGNLNN XÁC ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA

Môn thi: TIẾNG ANH (BẬC 3)

Phòng thi số: 34

Ngày thi: 26.11.2023

Địa điểm thi: P.811-A2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Kỹ năng bài thi môn			Ghi chú
						Đọc	Nghe	Viết	
1	231051	20013588	Lê Thuý Vân	16.06.1990					
2	231052	21013936	Ngô Thị Hồng Vân	01.2.1993					
3	231053	20013276	Nguyễn Thị Vân	08.07.1995					
4	231054	21013156	Nguyễn Thị Vân	20.12.1991					
5	231055	20013280	Nguyễn Thị Vân	08.09.1994					
6	231056	20013885	Nguyễn Thị Vân	15.12.1998					
7	231057	20013446	Nguyễn Thị Vân	17.09.1991					
8	231058	20013760	Nguyễn Thị Hải Vân	14.09.1972					
9	231059	20013759	Nguyễn Thị Hồng Vân	14.10.1975					
10	231060	21014250	Nguyễn Thị Hồng Vân	23.05.1991					
11	231061	20013586	Nguyễn Thị Hồng Vân	29.06.1994					
12	231062	20013589	Nguyễn Thị Thanh Vân	15.02.1983					
13	231063	21013961	Nguyễn Thị Thanh Vân	06.10.1975					
14	231064	20013754	Nguyễn Thị Thúy Vân	15.03.1974					
15	231065	21013935	Nhữ Tuyết Vân	03.02.1975					
16	231066	20013757	Trần Bích Vân	06.07.1998					
17	231067	21013450	Trịnh Thị Vân	20.02.1991					
18	231068	21014411	Vũ Thị Thanh Vân	01.10.1983					
19	231069	20013761	Vương Thị Vân	27.05.1975					
20	231070	21013157	Phạm Thị Vân	25.03.1992					
21	231071	21013941	Luyện Viết Vĩ	27.05.1988					
22	231072	20013281	Hà Thị Việt	10.11.1992					
23	231073	21014008	Chu Thị Vinh	25.05.1978					
24	231074	21014021	Hà Thị Vinh	29.09.1976					
25	231075	21014253	Tạ Thị Vinh	21.06.1981					
26	231076	20013591	Đỗ Diệu Vui	26.01.1996					
27	231077	20013311	Đỗ Thị Vui	09.11.1979					
28	231078	21013453	Nguyễn Thị Vượng	05.10.1982					
29	231079	21013945	Nguyễn Thị Vượng	01.09.1972					
30	231080	21013158	Phạm Thị Xuân	13.02.1990					
31	231081	20013282	Nguyễn Thị Xuyên	07.02.1985					
32	231082	21013159	Trần Thị Mai Xuyên	02.10.1994					
33	231083	20013283	Đào Thị Hương Yên	26.07.1984					
34	231084	20013384	Đặng Thị Hải Yến	12.01.1981					
35	231085	21013461	Đào Thị Yến	16.10.1996					
36	231086	20013063	Đinh Thị Yến Yến	24.09.1997					
37	231087	20013286	Hoàng Hải Yến	17.10.1984					
38	231088	20013447	Khuất Thị Yến	01.03.1997					

39	231089	20013284	Lê Thị Yên	13.03.1990					
40	231090	21013949	Lê Thị Hải Yên	05.11.1983					
41	231091	21013952	Nguyễn Hải Yên	26.07.1992					
42	231092	21013161	Nguyễn Thị Yên	22.08.1997					
43	231093	20013285	Nguyễn Thị Yên	27.05.1994					
44	231094	21014256	Nguyễn Thị Yên	07.11.1991					
45	231095	20013287	Nguyễn Thị Yên	02.02.1993					
46	231096	21013948	Nguyễn Thị Yên	18.08.1990					
47	231097	20013593	Nguyễn Thị Hải Yên	26.04.1974					
48	231098	21013962	Phạm Thị Hải Yên	02.06.1973					
49	231099	21014255	Trần Đàm Yên	03.11.1988					
50	231100	20013289	Trần Thị Yên	16.06.1991					
51	231101	21014254	Vũ Thị Hồng Yên	26.05.1989					

Số TS theo DS.....; Số thí sinh dự thi: Môn Đọc: ..... ; Môn Nghe: .....; Môn Viết: .....

Cán bộ coi thi:

*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2023*

1. ....

**Trưởng điểm thi**

2. ....

Thư ký điểm thi: .....